

MỞ RỘNG CHO VAY THEO CHUỖI GIÁ TRỊ NÔNG NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TỈNH BẾN TRE

Expand the lending of agricultural value chain of Bank for Agriculture and Rural Development of Vietnam - Branch Ben Tre province

Phạm Thị Ngọc Diễm¹

¹Học viên Cao học Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, Long An, Việt Nam
ngocdiem091088@gmail.com

Tóm tắt — Hoạt động cho vay theo chuỗi giá trị nông nghiệp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bến Tre trong giai đoạn 2017 - 2021 đã đạt được một số kết quả tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh đó, việc mở rộng cho vay theo chuỗi giá trị nông nghiệp tại chi nhánh vẫn còn một số hạn chế nhất định như: Hiệu quả sử dụng vốn của khách hàng chưa cao, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn còn nhỏ lẻ. Vì vậy, nghiên cứu phân tích thực trạng và đề ra giải pháp như: Nâng cao tính liên kết trong chuỗi giá trị nông nghiệp, mở rộng cho vay ủy thác thông qua các tổ chức đoàn thể, ... nhằm mở rộng cho vay theo chuỗi giá trị nông nghiệp tại chi nhánh.

Abstract — Lending of agricultural value chain at Bank for Agriculture and Rural Development of Vietnam – Branch Ben Tre Province in the period 2017 - 2021 has achieved some positive results. However, in addition, the expansion of lending along the agricultural value chain at the branch still has certain limitations such as: The efficiency of customer capital is not high, agricultural production in the locality is still limited. retail. Therefore, the study analyzes the current situation and proposes solutions such as: Improving linkages in the agricultural value chain, expanding entrusted lending through mass organizations, etc. to expand chain lending. agricultural value at branch.

Từ khóa — Mở rộng, chuỗi giá trị nông nghiệp, Agribank, expand, agricultural value chain.

1. Đặt vấn đề

Hiện ở Bến Tre có một số mô hình liên kết với doanh nghiệp từ sản xuất đến tiêu thụ theo chuỗi giá trị ở một số sản phẩm như: bưởi, dừa, chôm chôm, nhãn, hoa kiểng, lợn, bò và tôm biển. Đây là nhóm nông sản chiếm khoảng 54,2% tỷ trọng giá trị sản xuất và 52,87% tỷ trọng giá trị tăng thêm trong tổng sản phẩm trên địa bàn, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng chung của kinh tế tỉnh (Trần Thị Thu Hiền, 2017). Là ngân hàng thương mại Nhà nước, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bến Tre tiếp tục giữ vững vai trò chủ đạo trong đầu tư cho “tam nông”, các chương trình trọng điểm của Chính phủ, góp phần thúc đẩy xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, việc cho vay nông nghiệp nông thôn, chương trình cho vay liên kết theo chuỗi giá trị trong nông nghiệp còn khá “khiêm tốn”. Trên địa bàn tỉnh đã xây dựng được 8 mô hình liên kết theo chuỗi giá trị, đến tháng 10/2021, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bến Tre cũng đã ký kết hợp đồng tham gia 11 chuỗi liên kết gồm 07 chuỗi thủy sản, 03 chuỗi trái cây, 01 chuỗi nuôi bò, tuy nhiên đến nay chỉ cho vay 01 dự án là đầu tư nuôi tôm biển phát sinh dư nợ. Trước thực tế đó đặt ra vấn đề cần phải đưa tín dụng ngân hàng đến với chuỗi giá trị nông nghiệp. Xuất phát từ thực tế trên, bài viết này được thực hiện nhằm đề xuất một số giải pháp mở rộng cho vay theo chuỗi giá trị nông nghiệp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bến Tre trong thời gian tới.

2. Thực trạng mở rộng cho vay theo chuỗi giá trị nông nghiệp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bến Tre

2.1. Cho vay theo chuỗi giá trị nông nghiệp

Theo Calvin và Linda (2010) chuỗi giá trị nông nghiệp là một loạt các hoạt động bắt đầu bằng sản xuất, chế biến và nhằm mục đích gia

tăng giá trị cho sản phẩm cuối cùng và kết thúc bằng tiếp thị và bán hàng cho người dùng cuối. Chuỗi giá trị nông nghiệp bao gồm cung cấp đầu vào, sản xuất, phân phối/tiếp thị và tiêu dùng. Cung cấp đầu vào bao gồm mua sắm nguyên liệu cho sản xuất.

Gladys (2015) cho rằng, chuỗi giá trị nông nghiệp bao gồm tất các hoạt động và các người tham gia có liên quan để đưa một sản phẩm nông nghiệp từ nhà cung cấp đầu vào, qua người trồng trọt (nông dân) đến tay người tiêu dùng.

Theo Vũ Kim Anh (2017), chuỗi giá trị nông sản (hay còn gọi là chuỗi sản xuất nông nghiệp) bao gồm tập hợp các chủ thể cung cấp các công đoạn nhằm đưa nông sản từ khâu sản xuất ngoài đồng ruộng tới sản phẩm dịch vụ cuối cùng, mỗi công đoạn đều góp phần tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm.

Chuỗi giá trị nông nghiệp là tổng thể các hoạt động liên quan đến sản xuất và tiêu thụ hàng hóa nông sản. Trong chuỗi giá trị diễn ra quá trình tương tác giữa yếu tố cần và đủ để tạo ra một hoặc nhóm hàng hóa nông sản và các hoạt động phân phối, tiêu thụ sản phẩm này theo một phương thức nhất định (Khúc Thế Anh và Đào Thị Thu Trang, 2018).

Theo Magdalena và Ferdinand (2008) cho vay chuỗi giá trị là các luồng vốn và các thỏa thuận tài chính giữa nội bộ chuỗi giá trị hoặc những thỏa thuận tài chính giữa bên trong chuỗi và bên ngoài chuỗi liên kết; có thể là sự tài trợ nội bộ trực tiếp từ một trong những thành viên chuỗi giá trị hoặc từ một tổ chức tài chính hoặc nhà đầu tư bên ngoài. Cho vay chuỗi giá trị là mối quan hệ tài chính giữa hai hoặc nhiều chủ thể trong chuỗi giá trị.

Theo Nguyễn Tiến Đông (2018) mở rộng cho vay theo chuỗi giá trị trong nông nghiệp là việc mở rộng tín dụng ngân hàng đối với chuỗi giá trị nông nghiệp thể hiện thông qua khả năng thỏa mãn nhiều hơn các nhu cầu ngày càng đa dạng của các tác nhân tham gia chuỗi thể hiện qua các mặt như mở rộng phương thức cấp tín dụng; mở rộng các khung thời hạn cho vay; mở rộng điều kiện đảm bảo tín dụng; mở rộng các loại sản phẩm tín dụng cho doanh nghiệp đầu mối; mở rộng khách hàng tham gia chuỗi giá trị nông nghiệp; mở rộng quy mô số lượng vốn cho vay hữu dụng gắn liền với việc tăng cường hạn chế rủi ro, đảm bảo hiệu quả vốn vay.

2.2. Phân tích thực trạng

2.2.1. Cho vay mở rộng chuỗi giá trị nông nghiệp theo khách hàng:

Bảng 1. Phân loại dư nợ cho vay theo khách hàng giai đoạn 2017-2021

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Năm	Phân loại khách hàng				Tổng cộng
	Dư nợ	Hộ nông nghiệp	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp	
2017	Ngắn hạn	3.773	503	755	5.031
	Dài hạn	2.566	411	445	3.421
	Tổng dư nợ	6.339	914	1.199	8.453
2018	Ngắn hạn	3.673	755	604	5.031
	Dài hạn	3.072	469	725	4.267
	Tổng dư nợ	6.745	1.224	1.329	9.298
2019	Ngắn hạn	4.293	644	429	5.367
	Dài hạn	3.533	505	1.009	5.047
	Tổng dư nợ	7.826	1.149	1.439	10.413
2020	Ngắn hạn	4.754	771	899	6.424
	Dài hạn	3.868	545	1.035	5.447
	Tổng dư nợ	8.621	1.316	1.934	11.871
2021	Ngắn hạn	5.323	948	1.021	7.291
	Dài hạn	4.262	651	1.006	5.919
	Tổng dư nợ	9.584	1.599	2.027	13.210
Bình quân	Ngắn hạn	4.248	695	679	5.623
	Dài hạn	3.205	476	795	4.476

	Tổng dư nợ	7.453	1.171	1.475	10.099
--	-------------------	--------------	--------------	--------------	---------------

Nguồn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bến Tre

Từ bảng 1 cho thấy, dư nợ cho vay của Agribank Bến Tre được phân theo 3 nhóm khách hàng là hộ nông nghiệp, hộ kinh doanh và doanh nghiệp. Nhóm khách hàng hộ nông nghiệp có tỷ trọng dư nợ cao nhất, bình quân trong giai đoạn 2017 - 2021 là 7.453 tỷ đồng, tương ứng chiếm 74% tổng dư nợ. Trong đó, 4.248 tỷ đồng là nợ ngắn hạn, 3.205 tỷ đồng là nợ dài hạn. Khách hàng hộ nông nghiệp phân bố chủ yếu ở vùng nông thôn ở các huyện như Thạnh Phú, Ba Tri, Bình Đại, Mỏ Cày, Chợ Lách,... Đặc điểm của hộ nông nghiệp là tập

trung vào công đoạn trồng trọt, chăm sóc và thu hoạch sản phẩm nông nghiệp. Ngoại trừ công đoạn thu hoạch, các công đoạn khác như trồng trọt và chăm sóc cây thường đòi hỏi thời gian tương đối dài mới mang lại doanh thu cho hộ nông nghiệp. Chính vì vậy, nhu cầu vốn tín dụng của nhóm khách hàng này có một tỷ lệ đáng kể là vốn dài hạn.

2.2.2. Cho vay mở rộng chuỗi giá trị nông nghiệp theo nông sản chủ lực của tỉnh:

Bảng 2. Phân loại dư nợ theo loại nông sản chủ lực giai đoạn 2016 - 2021

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Loại nông sản	Dư nợ						Tỷ trọng
	2017	2018	2019	2020	2021	Bình quân	
Bưởi	1.268	1.209	1.562	1.306	1.982	1.368	14%
Dừa	761	1.023	1.093	950	1.189	958	9%
Chôm chôm	676	837	989	1.068	925	835	8%
Nhãn	423	558	677	831	925	618	6%
Hoa kiểng	761	930	885	1.128	1.057	891	9%
Lợn	2.367	2.417	2.864	3.205	3.699	2.793	28%
Bò	930	837	989	950	1.321	960	10%
Tôm biển	507	651	677	950	1.255	735	7%
Khác	761	837	677	1.484	859	941	9%
Tổng dư nợ	8.453	9.298	10.413	11.871	13.210	10.099	100%

Nguồn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bến Tre

Từ bảng 2 cho thấy, trong tổng dư nợ tín dụng của Agribank Bến Tre giai đoạn 2017 - 2021 thì cho vay nuôi lợn chiếm tỷ trọng cao nhất với bình quân là 28% tổng dư nợ, tương ứng với 2.793 tỷ đồng. Tập trung chủ yếu ở huyện Mỏ Cày với các trang trại lớn theo tiêu chuẩn VietGAP với 22 quy trình. Kế tiếp là cho vay cây bưởi có dư nợ lớn chiếm vị trí thứ 2 trong giai đoạn 2016 - 2021 chiếm bình quân 14%, tương ứng với 1.368 tỷ đồng. Thấp nhất là cho vay tôm biển và nhãn, chỉ chiếm một tỷ trọng khá khiêm tốn là 7% và 6%, tương ứng với dư nợ lần lượt là 735 tỷ đồng và 618 tỷ đồng. Trong thời gian từ năm 2016 - 2021, dư nợ cho vay chuỗi tôm biển tăng qua các năm, trong năm 2018, là năm đầu tiên triển khai dự án cho vay chuỗi liên kết nên dư nợ còn khiêm tốn 980 triệu đồng, đến năm 2021 phát sinh lên đến 7.580 triệu đồng, tăng 425% so với năm 2018, bình quân chiếm tỷ trọng 0,04% trong tổng dư nợ.

2.3. Đánh giá thực trạng cho vay theo chuỗi giá trị nông nghiệp

2.3.1. Kết quả đạt được:

Chuỗi giá trị tôm được hình thành và phát triển ổn định. Bên cạnh đó dư nợ chuỗi giá trị tôm ngày càng được mở rộng. Với sự tham gia, hỗ trợ của dự án Tam nông tỉnh Bến Tre, liên kết giữa sản xuất với tiêu thụ trong chuỗi giá trị nông nghiệp tỉnh có những bước phát triển đáng ghi nhận, trên địa bàn tỉnh đã hình thành nhiều liên kết giữa doanh nghiệp sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản với các hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm cùng sở thích và hộ nông dân trong một số mặt hàng.

Việc liên kết sản xuất đã thúc đẩy tạo các mối quan hệ hợp tác giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ nhóm và người nông dân để đưa sản phẩm nông nghiệp của tỉnh phát triển theo một cơ chế thị trường khép kín tạo thành một chuỗi giá trị. Việc liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm đầu ra, hỗ trợ vốn đầu tư, kỹ thuật giữa

doanh nghiệp và nông dân đã góp phần nâng cao giá trị gia tăng, nâng cao tính cạnh tranh cho nông sản của tỉnh, qua đó giúp người nông dân phần nào khắc phục được những rủi ro trong sản xuất, giải quyết được vấn đề đầu ra cho con tôm biển và hạn chế được tình trạng được mùa mất giá, được giá mất mùa, cải thiện một cách bền vững chất lượng cuộc sống của các hộ gia đình sống.

2.3.2. Một số hạn chế và nguyên nhân:

Hạn chế từ thủ tục, hồ sơ vay: Thủ tục cho vay hiện nay của Agribank vẫn còn rườm rà, nhiều loại giấy tờ gây khó khăn cho khách hàng. Trong khi đó, các tác nhân chủ yếu tham gia chuỗi giá trị nông nghiệp trên địa bàn phần lớn là hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất và nông dân nên còn hạn chế trong việc thiết lập các loại giấy tờ như phương án, dự án sản xuất kinh doanh, bảng kê hàng tồn kho, tình hình công nợ, chứng minh vốn đối ứng.

Hạn chế từ quy trình cho vay chuỗi giá trị nông nghiệp: Hiện nay các thủ tục và hồ sơ vay vốn chuỗi giá trị liên kết nông nghiệp đều căn cứ theo các hình thức vay vốn truyền thống, việc vay vốn của các dự án liên kết theo chuỗi giá trị nông sản không có sự khác biệt nhiều so với các dự án nông nghiệp không liên kết. Nhu cầu vốn lớn, tuy nhiên vốn đối ứng tham gia còn thấp hoặc tài sản không đủ đảm bảo gây khó khăn trong việc tiếp cận vốn ngân hàng.

Tính liên kết trong chuỗi giá trị nông nghiệp còn lỏng lẻo: Tại Agribank Bến Tre chỉ có 1 dự án là chuỗi liên kết đầu tư nuôi tôm biển phát sinh dư nợ, nguyên nhân không phải vì các Agribank Bến Tre thiếu vốn mà có lẽ nguyên nhân chủ yếu là do tính liên kết của các chủ thể trong sản xuất còn lỏng lẻo, tính tuân thủ các cam kết trong hợp đồng còn yếu, quy trình sản xuất chất lượng chưa được tuân thủ chặt chẽ cũng khiến việc phát triển cho vay theo chuỗi giá trị nông sản chưa được như kỳ vọng. Sản xuất nông nghiệp trên địa bàn còn manh mún, nhỏ lẻ, từ đó đẩy giá thành sản xuất lên cao, gây khó khăn cho việc tìm kiếm nguồn tiêu thụ.

Công nghệ, kỹ thuật còn thấp chưa áp dụng công nghệ tiên tiến vào trồng trọt chăn nuôi, đặc biệt là công nghệ 4.0. Mặc dầu nhiều

khâu có tỷ lệ cơ giới hóa cao, song trình độ trang bị còn rất lạc hậu, thể hiện hầu hết các máy làm đất công suất nhỏ, chỉ thích hợp với quy mô hộ và đất manh mún. Một số sáng chế, sáng kiến, cải tiến máy móc của nông dân được đánh giá cao, song chỉ sản xuất được ở quy mô nhỏ lẻ, đơn chiếc, chắp vá và thiếu tính tiêu chuẩn, nên giá thành cao, hoạt động không ổn định và không thể trở thành sản phẩm hàng hóa.

Nguyên nhân của hạn chế: Theo chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn thì khách hàng vay 100 triệu đồng không cần thế chấp tài sản. Tuy nhiên trong thực tế khi phát sinh nợ xấu, một số hộ vay không có thiện chí trả nợ vay, ngân hàng khó khăn xử lý thu hồi nợ, việc giữ hộ tài sản không được pháp luật ưu tiên trong xử lý tài sản để thu hồi nợ vay. Vì vậy không thể tránh khỏi tính chặt chẽ trong hồ sơ vay, do đó hồ sơ mang tính chất rườm rà. Agribank Bến Tre còn lúc túng trong việc nghiên cứu thị trường, xây dựng chiến lược, phát triển sản phẩm cho vay theo chuỗi giá trị, thủ tục cho vay, xác định và quản lý rủi ro khi triển khai cho vay theo chuỗi giá trị đối với từng sản phẩm nông nghiệp cụ thể. Do tỉnh Bến Tre chưa hình thành được vùng nguyên liệu, vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Mặc dù người nông dân vốn chịu thương chịu khó nhưng sản xuất cơ bản vẫn dựa trên kinh nghiệm là chính, khả năng đầu tư cho sản xuất, mở rộng quy mô rất hạn chế.

3. Một số giải pháp

3.1. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngân hàng

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Bến Tre cần rà soát và đánh giá lại nguồn nhân lực một cách toàn diện từ cán bộ quản lý đến nhân viên nghiệp vụ, theo cơ cấu tuổi, trình độ và kinh nghiệm, trên cơ sở đó sắp xếp lại nhân sự; đồng thời bổ sung lao động chuyên môn nghiệp vụ mới, lao động kỹ thuật, các chuyên viên giỏi; chuyển đổi cơ cấu lao động nghiệp vụ theo hướng giảm lao động gián tiếp, trẻ hóa đội ngũ nhân viên.

Chú trọng đào tạo cả chuyên môn lẫn đạo đức để xây dựng được đội ngũ cán bộ có phẩm chất tốt, tinh thông nghề nghiệp. Có chính sách

đãi ngộ hợp lý để thu hút nhân sự giỏi, thường xuyên tổ chức thi sát hạch chuyên môn nhằm nâng bậc, nâng lương cho đội ngũ cán bộ. Thông qua đó tạo động lực để nhân viên làm việc nhiệt tình, không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Cán bộ tín dụng, giao dịch viên trực tiếp giao tiếp với khách hàng cần thể hiện phong thái làm việc chuyên nghiệp, nắm vững kiến thức chuyên môn, luôn ân cần và nhiệt tình với khách hàng, lắng nghe tâm tư nguyện vọng, chia sẻ với khách hàng, hướng dẫn khách hàng thực hiện các thủ tục đầy đủ và giải thích thỏa đáng những quan tâm của khách hàng.

3.2. Xây dựng chính sách cho vay phù hợp đối với chuỗi giá trị nông nghiệp

Hoàn thiện quy trình và thủ tục cho vay chuỗi giá trị nông nghiệp: Agribank Bến Tre cần chủ động đề xuất đơn giản hóa thủ tục vay vốn, nghiên cứu điều chỉnh linh hoạt điều kiện cho vay phù hợp với điều kiện sản xuất nông nghiệp; cải thiện điều kiện tiếp cận vốn. Xây dựng chính sách lãi suất phù hợp: Agribank cần thường xuyên cập nhật tình hình ngành và thị trường để điều chỉnh chính sách lãi suất nhằm đạt được mục tiêu cân bằng giữa tối đa hoá lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả.

Ưu đãi lãi suất đối với các chủ thể tham gia trong chuỗi liên kết thuộc đối tượng nằm trong vùng quy hoạch phát triển của tỉnh; các khách hàng có hợp đồng bao tiêu và chấp hành nghiêm túc về cung cấp sản phẩm cho doanh nghiệp thu mua, chế biến; các khách hàng thực hiện nghiêm túc các quy trình kỹ thuật trồng trọt theo tiêu chuẩn VietGAP.

Đối với chính sách đảm bảo tiền vay: Nên xem xét cho vay từ những tài sản hình thành trong tương lai, cho vay không cần tài sản bảo đảm theo tổ vay vốn, các hiệp hội, hoặc căn cứ vào xếp hạng tín nhiệm nội bộ, có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm từ các doanh nghiệp uy tín ở trong vùng. Đối với món vay có tài sản đảm bảo là đất nông nghiệp, cần định giá tài sản đảm bảo linh động theo giá thị trường, hoặc căn cứ theo chứng thư thẩm định giá của công ty thẩm định giá uy tín thay vì định theo giá

quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh như hiện nay.

Đối với tỷ lệ vốn đối ứng của khách hàng, tùy theo từng loại hình sản phẩm mà có sự quy định phù hợp. Đối với hợp đồng vay vốn cho mục đích chăm sóc cây đã cho sản phẩm, có hợp đồng bao tiêu sản phẩm thì không cần vốn chủ sở hữu đối ứng mà có thể nâng hạn mức cho vay bằng nhu cầu vốn. Chính sách này cũng có thể áp dụng cho các trường hợp khách hàng là đại lý thu mua có uy tín, đã có tài sản thế chấp có giá trị lớn.

3.3. Nâng cao năng lực tài chính của khách hàng

Đối với doanh nghiệp/hộ kinh doanh đầu mối:

- Xác định mức tồn quỹ tiền mặt hợp lý, lập kế hoạch dòng tiền chi tiết hàng tháng nhằm cân đối thu chi trong ngắn hạn, kiểm soát chặt chẽ thu chi.
- Thanh lý những tài sản không thuộc lĩnh vực kinh doanh cốt lõi hoặc hiệu quả thấp.
- Cập nhật thường xuyên tin tức thị trường trên báo đài và trên internet.
- Quan tâm các quyết sách của chính phủ và địa phương để lập kế hoạch và ra quyết định đúng đắn.
- Không lấy nguồn vốn ngắn hạn để tài trợ cho tài sản dài hạn như xây dựng kho bãi, đầu tư dây chuyền sản xuất, phương tiện vận tải.

Đối với hộ nông dân: Áp dụng các biện pháp và kỹ thuật tiên tiến vào trồng trọt chăn nuôi để cắt giảm chi phí, tạo ra nhiều lợi nhuận để tăng nguồn tiền.

3.4. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của khách hàng

Các doanh nghiệp/hộ kinh doanh đầu mối: Chuỗi giá trị còn cần gắn với khâu tiêu thụ sản phẩm cuối cùng, cần tìm được thị trường, ổn định thị trường, đến thời điểm dòng tiền quay trở lại sản xuất thì mới được coi là chuỗi giá trị khép kín. Muốn vậy, doanh nghiệp và Hợp tác xã phải là nòng cốt của chuỗi giá trị. Mặc khác, trong các hình thức cho vay nội bộ chuỗi như: tín dụng thương nhân, hợp đồng bao tiêu và chứng từ lưu kho thì các doanh nghiệp đầu mối là những nhà cung cấp vốn chính cho

chuỗi giá trị nông nghiệp. Vì vậy, doanh nghiệp cần nhận thức vai trò nòng cốt của mình để xây dựng cho mình một năng lực tài chính tốt, có thông tin tài chính minh bạch, có khả năng xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh tốt. Đây là một điều kiện rất quan trọng để doanh nghiệp được tiếp cận nguồn vốn vay của ngân hàng, từ đó sẽ thực hiện tốt vai trò đầu mối trong chuỗi giá trị.

Hộ nông dân: Để phát triển một chuỗi liên kết, yếu tố nhận thức của các tác nhân tham gia có ảnh hưởng quan trọng hàng đầu, mà trước hết là nhận thức một cách đầy đủ những lợi ích sự liên kết mang lại. Lợi ích ấy sẽ trở thành động lực thúc đẩy các tác nhân tham gia và duy trì liên kết hiệu quả. Trong đó, nhận thức của nông dân mang ý nghĩa quyết định.

3.5. Nâng cao tính liên kết trong chuỗi giá trị nông nghiệp

Để sự liên kết được duy trì và phát triển bền vững đòi hỏi các chủ thể phải nâng cao ý thức pháp luật, nghiêm chỉnh chấp hành các điều khoản của hợp đồng. Cần tránh các trường hợp đã diễn ra như: doanh nghiệp ép giá nông dân khi được mùa; nông dân tự ý bán sản phẩm cho các đối tượng khác khi được đề nghị với giá cao hơn... Vì vậy, ràng buộc trách nhiệm của các chủ thể bằng một hợp đồng pháp lý là điều cần thiết.

3.6. Mở rộng cho vay ủy thác thông qua các tổ chức đoàn thể

Mở rộng việc cho vay ủy thác thông qua các tổ chức đoàn thể: Thông qua mô hình cho vay qua tổ vay vốn các hội (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên), đoàn thể bằng hình thức ủy thác vì các ngân hàng không thể bao quát hết được địa bàn, cán bộ ngân hàng đến tận nơi thì không đủ sức, các cấp hội sẽ sâu sát hơn trong việc thẩm định đối tượng vay vốn và giám sát sử dụng vốn đảm bảo mục đích, hiệu quả.

Bên cạnh đó, thông qua các cấp hội việc tuyên truyền các chủ trương, chính sách về các chương trình vay vốn cũng như việc nắm bắt những vấn đề phát sinh, những khó khăn, vướng mắc sẽ nhanh chóng hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Khúc Thế Anh và Đào Thị Thu Trang (2018). Thực hiện chính sách cho vay phát triển chuỗi sản phẩm nông nghiệp theo định hướng của Chính phủ qua hệ thống ngân hàng - một số vấn đề đặt ra. *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Vai trò của ngân hàng và ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển nông nghiệp - nông thôn*. Hà Nội, trang 154-163.
- [2] Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bến Tre (2021). *Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Agribank Bến Tre qua các giai đoạn 2017 - 2021*.
- [3] Nguyễn Tiến Đông (2018). Ngành ngân hàng với phát triển chuỗi giá trị và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Vai trò của ngân hàng và ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển nông nghiệp - nông thôn*. Hà Nội, trang 44-51.
- [4] Trần Thị Thu Hiền (2017). *Bến Tre xây dựng 8 chuỗi giá trị sản phẩm nông sản chủ lực*.
- [5] Vũ Thị Kim Anh (2017). Đẩy mạnh tín dụng xanh cho phát triển nông nghiệp theo mô hình chuỗi giá trị. *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Vai trò của ngân hàng và ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển nông nghiệp - nông thôn*. Hà Nội, trang 146-153.
- [6] Calvin., M. & Linda. J. (2010). *Agriculture value chain finance – Tools and lessons*. Practical Action, UK.
- [7] Gladys., M. M. (2015). *Factors affecting effectiveness of value chain financing in tea industry: a case of smallholder farmers in Kiambu county*. United States International University, Africa.
- [8] Magdalena., S. C. & Ferdinand., L. P. (2008). *Financial Access and Inclusion in the Agricultural Value Chain*. Asia-Pacific Rural and Agricultural Credit Association (APRACA).

Ngày nhận: 01/6/2023

Ngày phản biện: 28/12/2023

Ngày duyệt đăng: 26/1/2024